

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3924 /BNN-KH
V/v xây dựng kế hoạch phát triển ngành
nông nghiệp, nông thôn năm 2024

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2023

Kính gửi:

- Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị các đơn vị thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là các đơn vị) triển khai xây dựng kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn năm 2024 với các nội dung chủ yếu sau đây:

A. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN NĂM 2024

Kế hoạch phát triển Ngành năm 2024 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá sát thực, đúng thực chất tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển Ngành năm 2023; dự báo tình hình trong nước, thế giới và khu vực ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp, nông thôn; từ đó xác định mục tiêu, định hướng phát triển năm 2024 phù hợp với định hướng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Bộ, Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây viết tắt là Chiến lược phát triển Ngành), Chiến lược phát triển các tiểu ngành, lĩnh vực, Kế hoạch phát triển Ngành 5 năm 2021 - 2025, Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025. Những nội dung chủ yếu của báo cáo Kế hoạch phát triển Ngành năm 2024 gồm:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NĂM 2023

Trên cơ sở tình hình thực hiện kế hoạch phát triển Ngành 6 tháng đầu năm, các đơn vị đánh giá ước thực hiện kế hoạch năm 2023 trên tất cả các lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Trong đó, cần đánh giá đầy đủ, chính xác kết quả đạt được, phân tích rõ những thành tựu và đóng góp vào phát triển Ngành; làm rõ hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm để có giải pháp thực hiện thiết thực hơn cho năm 2024. Đồng thời, phân tích, đánh giá tác động của thiên tai, dịch bệnh, xung đột quân sự Nga - Ukraine, tình hình lạm phát cao tại một số quốc gia trên thế giới, biến động giá cả hàng hóa thế giới tới kết quả thực hiện kế hoạch phát triển năm 2023. Cụ thể:

1. Tình hình triển khai các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 355/QĐ-BNN-KH ngày 19/01/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,

dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh Quốc gia năm 2023; các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; Kế hoạch tài chính và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

2. Kết quả thực hiện chủ trương, chính sách lớn về cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới. Tình hình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại kế hoạch hành động của Bộ thực hiện Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/2/2021 phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 và Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó có đánh giá kết quả chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp.

3. Tình hình và kết quả sản xuất, kinh doanh, chế biến nông lâm thủy sản, quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, hợp tác quốc tế, phát triển thị trường; phân tích hiệu quả, chất lượng tăng trưởng của từng lĩnh vực và đóng góp vào tăng trưởng chung của toàn Ngành.

4. Tình hình thực hiện 3 đột phá chiến lược về: (i) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (ii) Phát triển nguồn nhân lực; (iii) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ. Trong đó, làm rõ những kết quả đạt được so với mục tiêu kế hoạch đề ra; đặc biệt phân tích sâu các hạn chế, yếu kém, nguyên nhân khách quan và chủ quan trong quá trình thực hiện.

5. Tình hình huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển và cơ cấu các nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước, tín dụng đầu tư phát triển; vốn từ khu vực tư nhân; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và vốn huy động từ các thành phần kinh tế khác.

6. Đánh giá hoạt động khoa học - công nghệ, nghiên cứu và chuyển giao, ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số vào phát triển nông nghiệp, nông thôn, chỉ đạo điều hành.

7. Tình hình thực hiện quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

8. Tình hình và kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; phát triển nông thôn, kinh tế nông thôn gắn với đô thị hóa góp phần bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn.

9. Đánh giá hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, chất lượng cán bộ, sắp xếp tinh giản bộ máy; thực hiện cải cách hành chính; xây dựng Chính phủ điện tử tiến tới Chính phủ số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; chuyển đổi số; công tác thanh tra, thực hành tiết kiệm và phòng, chống tham nhũng; công tác quản lý tài chính và tài sản công...

Căn cứ đặc điểm, tình hình của từng lĩnh vực đơn vị phụ trách, các đơn vị tiến hành đánh giá, bổ sung các nội dung, chỉ tiêu cho phù hợp và đầy đủ với tình hình thực tiễn của mỗi đơn vị.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NĂM 2024

Năm 2024 là năm bút phá để hoàn thành Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025 trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội thế giới và trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Cạnh tranh chiến lược nước lớn ngày càng gay gắt, xung đột quân sự Nga - Ukraine chưa có dấu hiệu kết thúc. Tăng trưởng kinh tế, nhu cầu tiêu dùng tại nhiều nền kinh tế lớn phục hồi chậm và suy giảm; tình trạng lạm phát tại một số quốc gia trên thế giới vẫn duy trì ở mức cao; giá cả nguyên vật liệu sản xuất vẫn ở mức cao; thiên tai, dịch bệnh... diễn biến khó lường. Trong bối cảnh đó, các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản của Kế hoạch Ngành.

1. Bối cảnh xây dựng Kế hoạch phát triển Ngành năm 2024

Bối cảnh xây dựng Kế hoạch phát triển Ngành năm 2024, bao gồm nhận định, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển của từng lĩnh vực; đặc biệt lưu ý những vấn đề như ảnh hưởng xung đột quân sự Nga - Ukraine; tình trạng lạm phát cao tại một số quốc gia trên thế giới; giá vật tư đầu vào vẫn ở mức cao...

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát toàn Ngành

Phát triển nền nông nghiệp thông minh, tuần hoàn, hội nhập quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới phồn vinh và văn minh. Phấn đấu xây dựng nền nông nghiệp theo hướng “Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”.

b) Mục tiêu cụ thể

- Tốc độ tăng GDP nông lâm thủy sản 2,5% - 3,0%.
- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất toàn Ngành 2,7% - 3,2%.
- Giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản (tỷ USD)¹.
- Tỷ lệ che phủ của rừng duy trì ổn định 42%.
- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới².
- Số đơn vị cấp huyện² đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới tăng thêm so với cuối năm 2023.

3. Định hướng, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững

Thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển nông thôn, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Chú trọng phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn, ứng dụng công nghệ cao; phát huy tiềm năng lợi thế từng vùng, từng địa phương. Gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; sản xuất với bảo

¹ Cục Chất lượng Chế biến và PTTT xây dựng mục tiêu trên cơ sở dự báo tình thị trường trong nước và quốc tế

² VPDP Trung ương nông thôn mới đề xuất chỉ tiêu về tỷ lệ xã và số huyện đạt chuẩn

quản, chế biến, xây dựng thương hiệu, tiêu thụ, nâng cao giá trị nông sản trong các chuỗi giá trị. Khuyến khích kinh tế hộ, kinh tế hợp tác nông cốt là hợp tác xã, thu hút doanh nghiệp đầu tư, cải tiến quản lý nhà nước để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; kết nối nông thôn với đô thị. Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng gắn với quá trình đô thị hóa, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; xây dựng nông thôn mới nâng cao, xây dựng đời sống văn hoá, nông thôn mới kiểu mẫu và bảo vệ môi trường sinh thái.

4. Các nhiệm vụ, giải pháp chính

Trên cơ sở ước kết quả thực hiện kế hoạch Ngành năm 2023, dự báo tình hình năm 2024; mục tiêu, định hướng phát triển Ngành năm 2024; các đơn vị đề xuất nhiệm vụ, giải pháp cụ thể năm 2024 góp phần đạt mục tiêu chung của Ngành, góp phần thực hiện thành công Chiến lược phát triển Ngành, Kế hoạch phát triển Ngành 5 năm 2021 - 2025, Kế hoạch cơ cấu lại Ngành giai đoạn 2021 - 2025 phù hợp với điều kiện thực tiễn. Cụ thể như:

4.1. Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, giá trị gia tăng cao

a) Trồng trọt

Xây dựng kế hoạch sản xuất linh hoạt, thích ứng với thời tiết, phù hợp với thị trường để đạt được mục tiêu tăng trưởng của lĩnh vực trồng trọt; dự kiến tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất của lĩnh vực. Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, Chiến lược phát triển Ngành.

Tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường phổ biến, chuyển giao các giống cây trồng mới có chất lượng và giá trị cao vào sản xuất. Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi đối với các sản phẩm chủ lực quốc gia; đồng thời, khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, các sản phẩm đặc hữu địa phương. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Đẩy mạnh công tác quản lý vùng trồng để xuất khẩu và mở rộng thị trường nông sản; nâng cao năng lực giám sát và dự báo, phòng trừ hiệu quả sinh vật gây hại cây trồng, chủ động phòng ngừa đối với loại sâu bệnh mới. Kiểm soát chặt chẽ sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

b) Chăn nuôi

Xây dựng kế hoạch sản xuất phù hợp với yêu cầu của thị trường, trên cơ sở đó dự kiến tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất phù hợp. Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp nhằm triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025; Chiến lược phát triển Ngành, lĩnh vực chăn nuôi.

Các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ phát triển các vùng chăn nuôi tập trung, quy mô lớn đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản, gắn với phát triển công nghiệp chế biến, an toàn thực phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo nguyên tắc bảo đảm an toàn sinh học, kiểm soát dịch bệnh, bảo vệ môi trường, ổn định thị trường và giá cả sản phẩm chăn nuôi trong nước. Phối hợp với địa phương và doanh nghiệp điều tiết xuất nhập khẩu và giá vật tư đầu vào; tăng cường kiểm tra công khai giá, chất lượng vật tư lĩnh vực chăn nuôi. Kiểm soát chất lượng con giống, khuyến khích giải pháp cải tạo nâng cao tầm vóc đàn gia súc ăn cỏ. Giám sát và kiểm soát chặt dịch bệnh trên gia súc, gia cầm hiệu quả, không để tái nhiễm. Quy định chặt chẽ việc quản lý và sử dụng thuốc thú y.

c) Thủy sản, Kiểm ngư

Xây dựng kế hoạch nuôi trồng, khai thác hải sản phù hợp với điều kiện từng địa phương, quy định quốc tế và yêu cầu thị trường; dự kiến tốc độ tăng giá trị sản xuất của lĩnh vực thủy sản. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025; Chiến lược phát triển Ngành, lĩnh vực thủy sản phù hợp với thực tiễn; 02 quy hoạch ngành cấp quốc gia, 04 Chương trình quốc gia.

Đề xuất các giải pháp nhằm phát triển đồng bộ, toàn diện cả khai thác và nuôi trồng; đẩy mạnh tổ chức lại sản xuất ngành hàng, áp dụng quy trình, kỹ thuật nuôi, khai thác hiện đại gắn với chế biến, bảo quản giảm tổn thất sau thu hoạch, đa dạng hóa sản phẩm thủy sản chế biến. Đồng thời, đáp ứng tiêu chuẩn, quy định của quốc tế về nuôi trồng và đánh bắt hải sản; cấp mã số vùng nuôi, truy xuất nguồn gốc; hướng dẫn, quản lý việc đánh bắt hải sản theo đúng các quy định trong nước và phù hợp với quốc tế; thành lập các tổ, đội sản xuất trên biển; thúc đẩy xuất khẩu thủy sản; tham gia bảo vệ chủ quyền biển đảo.

d) Lâm nghiệp, Kiểm lâm

Xây dựng kế hoạch trồng rừng và bảo vệ rừng phù hợp; xác định mục tiêu tăng trưởng của lĩnh vực lâm nghiệp và các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025; Chiến lược phát triển Ngành, lĩnh vực lâm nghiệp; Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia.

Thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và sử dụng bền vững, hiệu quả diện tích rừng hiện có; nâng cao năng suất, chất lượng rừng; tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn, trồng rừng có chứng chỉ FSC, trồng cây gỗ bản địa và lâm sản ngoài gỗ; đảm bảo nguồn cung gỗ nguyên liệu trong nước cho công nghiệp chế biến; hỗ trợ cho người dân tạo sinh kế, nâng cao thu nhập từ rừng thông qua phát triển kinh tế dưới tán rừng. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong theo dõi, đánh giá trữ lượng rừng, trồng và bảo vệ rừng. Phát triển mô hình nông lâm kết hợp; tiếp tục hoàn thiện và thực thi hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và thúc đẩy phát triển kinh tế rừng. Thực hiện hiệu quả, đồng bộ Hiệp định VPA/PLEGT, tạo điều kiện đẩy mạnh xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ.

đ) Công tác thủy lợi và phòng, chống thiên tai

Xây dựng kế hoạch, mục tiêu và các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để thực hiện hiệu quả Kế hoạch cơ cấu lại Ngành giai đoạn 2021 - 2025; Chiến lược phát triển

Ngành và lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai; Quy hoạch Ngành và các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành phòng, chống thiên tai và thủy lợi phục vụ cơ cấu lại Ngành theo hướng đa chức năng; đảm bảo chất lượng nước và an ninh nguồn nước phục vụ nuôi trồng thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi, cung cấp nước cho dân sinh và sản xuất công nghiệp. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi hiện có; phát triển tưới tiên tiến, tiết kiệm.

Xây dựng kế hoạch, các biện pháp chủ động phòng ngừa, kiểm soát an toàn thiên tai, kịp thời ứng phó, khắc phục hậu quả nhằm giảm nhẹ thiệt hại. Triển khai hiệu quả Luật: Thủy lợi; Phòng, chống thiên tai; các Nghị quyết của Chính phủ: số 76/NĐ-CP về công tác phòng chống thiên tai, số 120/NĐ-CP về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu; Chỉ thị của Ban bí thư số 42/CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

e) Phát triển công nghiệp chế biến, sản xuất muối

Xây dựng kế hoạch, mục tiêu cụ thể về phát triển công nghiệp chế biến NLTS và muối. Qua đó đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể nâng cao tốc độ tăng trưởng và tỷ trọng của công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm trong công nghiệp chế biến chung của cả nước³.

Tổ chức thực hiện hiệu quả những giải pháp khắc phục tồn tại của lĩnh vực chế biến nông sản, vừa nâng cao hiệu quả sản xuất, vừa tiêu thụ kịp thời nông sản cho nông dân và đa dạng hóa sản phẩm cho tiêu dùng. Đề xuất giải pháp hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị nhằm nâng cao trình độ công nghệ chế biến NLTS; phát triển công nghiệp chế biến tinh, chế biến sâu, kết hợp với các biện pháp về tổ chức sản xuất, tiêu thụ hàng hóa nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch và nâng cao giá trị gia tăng.

Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng phế phụ phẩm và phát triển công nghiệp phụ trợ phục vụ sản xuất nông nghiệp; mở rộng diện tích muối công nghiệp, hiện đại; tăng cường áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa trong chế biến, nâng cao năng suất và chất lượng muối.

g) Phát triển thị trường, thúc đẩy tiêu thụ nông sản

Xây dựng kế hoạch, mục tiêu về kim ngạch xuất - nhập khẩu NLTS; kế hoạch phát triển thị trường; tổ chức lại hệ thống thương mại nông sản nội địa; nâng cao năng lực nghiên cứu và dự báo thị trường; kết nối với mạng lưới tiêu thụ toàn quốc; nâng cao vị thế và khả năng cạnh tranh của hàng nông sản Việt Nam, cả thị trường nội địa và quốc tế; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong kết nối cung - cầu, tiêu thụ nông sản. Đổi mới công tác xúc tiến thương mại, xây dựng các nhiệm vụ và giải pháp đàm phán mở cửa thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu chính ngạch, phát triển thị trường phù hợp bảo đảm phát triển tổng thể thương mại quốc tế hài hòa, bền vững, thích ứng với bối cảnh xung đột chính trị, cạnh tranh thương mại diễn biến phức tạp,

³ Giai đoạn 2016-2020, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 7%/năm, chiếm tỷ trọng khoảng 19,1%.

lạm phát cao tại một số quốc gia trên thế giới. Giải pháp thúc đẩy xây dựng các trung tâm logistics nông sản, hệ thống kho lạnh gắn với vùng nguyên liệu.

4.2. Xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập, ổn định và cải thiện điều kiện sống của dân cư nông thôn

Xác định mục tiêu chính cần đạt năm 2024, đề xuất các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm cần triển khai góp phần đạt mục tiêu chung của Chương trình giai đoạn 2021 - 2025. Xây dựng kế hoạch nhiệm vụ và giải pháp cụ thể về: số xã, tỷ lệ % số xã đạt chuẩn nông thôn mới, số xã đạt chuẩn NTM nâng cao và kiểu mẫu; số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn dự kiến tăng so với năm 2023; số tỉnh hoàn thành xây dựng NTM; dự kiến số lượng sản phẩm được chuẩn hóa theo bộ tiêu chí sản phẩm OCOP.

Xây dựng kế hoạch thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho cư dân nông thôn; hoàn thành hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu, đặc biệt ở vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hóa; nâng cao chất lượng tiêu chí xây dựng nông thôn mới nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và hiện đại, gắn với quá trình đô thị hóa, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và thích ứng với biến đổi khí hậu; đảm bảo môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; đời sống nông thôn giàu bản sắc văn hóa truyền thống; đưa nông thôn trở thành nơi đáng sống.

Xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng Dân tộc thiểu số và Miền núi; công tác di dân và ổn định dân cư tại các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng,...

4.3. Phát triển hạ tầng, nâng cao năng lực phòng chống và giảm nhẹ thiên tai; bảo vệ và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên

Các đơn vị nghiên cứu, xây dựng và thực hiện kế hoạch đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025; tăng cường xây dựng và đề xuất các giải pháp, các dự án huy động xã hội hóa đầu tư phát triển hạ tầng nông nghiệp - nông thôn.

Tăng cường khả năng điều tiết các nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm; tăng cường khả năng tích nước cho mùa khô, cấp đủ nước sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân. Chủ động các phương án ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai; đảm bảo an toàn đê điều, hồ đập; xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển. Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu, trọng tâm ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), Nghị quyết của Chính phủ về phát triển bền vững vùng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tăng cường công tác quản lý tài nguyên rừng, tài nguyên đất, tài nguyên biển, tập trung bảo vệ môi trường và giảm thiểu phát thải.

4.4. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện và triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và Chiến lược phát triển Ngành

Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2024 để triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Ngành; đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đạt những mục tiêu cụ thể Thủ tướng chính phủ giao.

Đề xuất các cơ chế, chính sách mới để tháo gỡ khó khăn, tạo động lực mới cho tăng trưởng Ngành, nhất là tháo gỡ vướng mắc trong chính sách đất đai, đầu tư, phát triển công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ. Tăng cường nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; huy động nguồn lực ngoài ngân sách cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.

4.5. Phát triển mạnh khoa học, công nghệ và khuyến nông

Xây dựng kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao, tập trung vào các sản phẩm chủ lực xuất khẩu; hoàn thiện công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp; tăng cường các hoạt động khuyến nông, hỗ trợ doanh nghiệp, nông dân ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ.

Kế hoạch cần tập trung nhấn mạnh các giải pháp nhằm tăng cường năng lực tiếp cận xu hướng công nghệ tiên tiến, hiện đại của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để thúc đẩy nghiên cứu các lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam có tiềm năng và lợi thế; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số cả trong công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo sản xuất, chế biến, tiêu thụ góp phần chuyển đổi sang nền nông nghiệp chủ động, sáng tạo, công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, giảm dần lao động chân tay. Xây dựng hệ thống quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn quốc gia phục vụ quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, chất lượng và an toàn thực phẩm; hài hòa với tiêu chuẩn khu vực, quốc tế để thúc đẩy mở rộng thị trường xuất khẩu.

4.6. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp phù hợp với điều kiện cụ thể từng vùng, miền, sản phẩm, ngành hàng

Xây dựng kế hoạch đẩy mạnh thực hiện các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị; xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu; phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ gia đình và kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát việc sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo hướng giải quyết dứt điểm những vướng mắc trong quản lý và sử dụng đất đai, nâng cao hiệu quả hoạt động.

4.7. Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế

Xây dựng kế hoạch hội nhập quốc tế nhằm thu hút nguồn đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường xuất khẩu và đẩy mạnh các hoạt động hợp tác khoa học, đào tạo. Vận động và kêu gọi nhà tài trợ tham gia hỗ trợ thực hiện Chiến lược phát triển Ngành, Kế hoạch cơ cấu lại Ngành gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Triển khai các hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế theo Quyết định số 1684/QĐ-TTg ngày 30/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2030. Chú trọng công tác phổ biến, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do, FTA đã ký kết.

4.8. Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm lâm thủy sản

Xác định chủ đề chính của công tác quản lý chất lượng năm 2024 với các mục tiêu, giải pháp nhằm đẩy mạnh tính hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và Đề án Đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng NLTS giai đoạn 2021-2030.

Nêu rõ các giải pháp hoàn thiện chính sách pháp luật quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, đảm bảo an toàn thực phẩm (ATTP) hài hòa với các chuẩn mực quốc tế và tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh, liên kết phát triển các chuỗi giá trị nông sản chất lượng cao, đảm bảo ATTP.

Xây dựng kế hoạch phát triển hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, đảm bảo ATTP cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; Kế hoạch thông tin, truyền thông về chính sách pháp luật quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp cho các cơ sở sản xuất kinh doanh.

Tăng cường năng lực thực thi pháp luật; đổi mới, chuẩn hóa, đẩy mạnh áp dụng các biện pháp quản lý tiên tiến phù hợp tư duy phát triển kinh tế nông nghiệp đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu Ngành, hội nhập kinh tế quốc tế.

4.9. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Xây dựng kế hoạch, xác định những mục tiêu, giải pháp cụ thể cần thực hiện năm 2024 để nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp hiện đại và hội nhập quốc tế. Phát triển nhanh nguồn nhân lực qua đào tạo, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho nông dân, gắn với nhu cầu của thị trường lao động, nhu cầu của doanh nghiệp; đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo nghề.

4.10. Kế hoạch cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý Ngành

Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp theo kế hoạch đã được phê duyệt. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, **chuyển đổi số**, đẩy mạnh xây dựng Chính phủ điện tử để kết nối, chia sẻ thông tin với Cổng dịch vụ công quốc gia.

Xây dựng kế hoạch thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia theo các Nghị quyết của Chính phủ. Cải cách công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành.

Triển khai sắp xếp, tinh giảm bộ máy, biên chế; hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý Ngành; đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; phân cấp quản lý giữa trung ương và địa phương về các lĩnh vực: đầu tư, quản lý chất lượng nông sản, vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm... Thực hiện quyết liệt các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí; xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm.

4.11. Thu hút các nguồn lực xã hội, khuyến khích đầu tư tư nhân

Xây dựng kế hoạch phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương để thực hiện có hiệu quả Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 về bảo hiểm nông nghiệp; các Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, số 116/2018/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư... Tiếp tục hoàn thiện chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp, nông thôn.

Xây dựng kế hoạch cụ thể đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư để kêu gọi doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; ưu tiên kêu gọi đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, phát triển liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi, phát triển công nghiệp chế biến. Chuyển dần việc cung cấp một số dịch vụ công cho tư nhân và các tổ chức xã hội.

III. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

1. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023

- Tình hình thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2023.

- Các kết quả đạt được, khó khăn, vướng mắc và những tồn tại, hạn chế trong việc triển khai thực hiện dự toán NSNN năm 2023; làm rõ nguyên nhân của các khó khăn, vướng mắc.

- Các giải pháp, kiến nghị để triển khai có hiệu quả dự toán NSNN trong những tháng cuối năm 2023.

2. Xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

Mục tiêu của công tác xây dựng dự toán NSNN năm 2024 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024 - 2026: Tiếp tục thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, duy trì tăng trưởng nhanh, bền vững; thực hiện cơ cấu lại ngân sách theo các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội gắn với việc sắp xếp lại bộ máy tổ chức, tinh giản biên chế, đổi mới khu vực sự nghiệp công; siết chặt kỷ cương, kỷ luật ngân sách, mở rộng cơ sở thuế, tăng cường quản lý thu; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực công.

2.1 Kế hoạch đầu tư công

Kế hoạch đầu tư công năm 2024 bao gồm các nội dung: (i) Đánh giá tình hình

thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2023; (ii) Lập kế hoạch đầu tư công năm 2024; (iii) Đánh giá giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Chi tiết báo cáo theo đề cương và các phụ lục kèm theo).

Các chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước Bộ về kế hoạch vốn đã đăng ký, Bộ sẽ kiểm điểm cá nhân người đứng đầu và tập thể lãnh đạo các chủ đầu tư có dự án tiến độ chậm, giải ngân thấp; kết quả thực hiện, giải ngân kế hoạch năm 2024 là tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và tập thể lãnh đạo đơn vị, chủ đầu tư.

2.2. Chi thường xuyên

Các đơn vị đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2023, xây dựng dự toán NSNN năm 2024 và giai đoạn 2024-2026 theo văn bản số 3812/BN-TC ngày 12/6/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, định mức chi NSNN, tính chất nguồn kinh phí, tiết kiệm.

2.3. Chi dự trữ quốc gia

Căn cứ định hướng mục tiêu phát triển dự trữ quốc gia trong giai đoạn mới, khả năng cân đối NSNN và dự báo tình hình kinh tế - xã hội, dự báo yêu cầu cứu trợ, viện trợ; các đơn vị quản lý hàng dự trữ quốc gia xây dựng kế hoạch và dự toán chi mua hàng dự trữ quốc gia cho năm 2024, phục vụ có hiệu quả công tác hỗ trợ phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh.

2.4. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Căn cứ chủ trương, Kế hoạch năm 2024 của Ban chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia, Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương hướng dẫn các địa phương, thực hiện lập dự toán chi thực hiện Kế hoạch chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, khả năng thực hiện năm 2024.

B. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Vụ Kế hoạch

- Chủ trì tổng hợp Kế hoạch phát triển Ngành năm 2024.
- Chủ trì tổng hợp, báo cáo Kế hoạch đầu tư công năm 2024.
- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ làm việc với Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kế hoạch phát triển Ngành và Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2024.

2. Vụ Tài chính

- Chủ trì, hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 và lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024; kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024 - 2026.
- Chủ trì tổng hợp, báo cáo Bộ về kế hoạch chi ngân sách đối với chương trình, dự án sử dụng nguồn sự nghiệp.
- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ làm việc với Bộ Tài chính, bảo vệ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

3. Các đơn vị thuộc Bộ và các Sở Nông nghiệp và PTNT

Xây dựng Kế hoạch phát triển Ngành, các tiểu ngành, lĩnh vực và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 (theo khuôn mẫu báo cáo kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 2492/QĐ-BNN-KH ngày 26/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT) và hướng dẫn tại văn bản này, gửi về Vụ Kế hoạch.

4. Các Viện, Trường, Trung tâm, Doanh nghiệp thuộc Bộ, Ban quản lý dự án và các đơn vị khác

Tổ chức xây dựng Kế hoạch phát triển năm 2024 của đơn vị; báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các dự án đầu tư, dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2023 và đề xuất nhu cầu đầu tư, lập dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2024 gửi về Vụ Kế hoạch và Vụ Tài chính để tổng hợp.

Việc xây dựng Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 có ý nghĩa hết sức quan trọng. Bộ yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các cơ quan trực thuộc tập trung xây dựng, gửi về Bộ (Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính) theo đường văn bản; thư điện tử vukehoach.mard@gmail.com và trên CSDL Giám sát đánh giá ngành Nông nghiệp (<https://giamsatdanhgia.mard.gov.vn> mục Xây dựng Kế hoạch Ngành hàng năm) **trước ngày 12/7/2023** để tổng hợp, báo cáo Chính phủ. Các hướng dẫn xây dựng kế hoạch và biểu mẫu kèm theo đăng tại Website của Vụ Kế hoạch: <http://vukehoach.mard.gov.vn>

Trong quá trình triển khai xây dựng kế hoạch đề nghị các đơn vị thuộc Bộ và các Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi với Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lãnh đạo Bộ;
- Website Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, KH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Hiệp